

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN ĐÔNG HUNG  
TỈNH THÁI BÌNH**

**Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 30/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 06/7/2022

V/v: Tranh chấp hôn nhân và  
gia đình.

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐÔNG HUNG, TỈNH THÁI BÌNH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Ông Lê Kiên Trung.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Nguyễn Hữu Hiền.

2. Bà Nguyễn Thị Vĩnh.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Quỳnh Anh- Thư ký Tòa án nhân  
huyện Đông Hưng

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đông Hưng tham gia phiên tòa:**  
Bà Lại Thị Giang - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 7 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đông Hưng xét  
xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 62/2022/TLST- HNGĐ ngày 15 tháng 4 năm  
2022; về “Tranh chấp hôn nhân và gia đình”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số  
37/2022/QĐXXST- HNGĐ ngày 02 tháng 6 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên  
tòa số 21/2022/QĐST- HNGĐ ngày 22 tháng 6 năm 2022 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Anh Nguyễn Thế T, sinh năm 1981; địa chỉ: Xóm 12, thôn  
T, xã PC, huyện ĐH, tỉnh TB.

2. *Bị đơn:* Chị Vũ Thị Như Q, sinh năm 1989; địa chỉ: Xóm 14, thôn T, xã  
PC, huyện ĐH, tỉnh TB.

*(Có mặt nguyên đơn, vắng mặt bị đơn)*

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*\* Tại đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án;  
nguyên đơn anh Nguyễn Thế T trình bày:*

- Anh và chị Vũ Thị Như Q tìm hiểu tự nguyện, đăng ký kết hôn tại UBND  
xã PC, huyện ĐH, tỉnh TB từ ngày 09/11/2012. Sau kết hôn, vợ chồng chung  
sống hòa thuận đến đầu năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn; vợ chồng thường  
xuyên xảy ra va chạm, cãi nhau. Nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng  
quan điểm sống, tính cách không hợp nhau, chị Q cư xử với bố mẹ đẻ anh không

đúng chuẩn mực. Tháng 8/2016, vợ chồng mâu thuẫn căng thẳng, chị Q đã tự bỏ về nhà bố mẹ để sống ly thân với anh từ đó cho đến nay. Anh xác định tình cảm vợ chồng không còn, anh xin được ly hôn để ổn định làm ăn.

- Anh và chị Q có 01 con chung là Nguyễn Vũ L, sinh ngày 16/01/2014. Từ khi vợ chồng ly thân, con chung sinh sống cùng anh. Ly hôn, anh xin được trực tiếp nuôi con và không yêu cầu chị Q phải cấp dưỡng cho con.

- Anh và chị Q không có tài sản chung và không có nợ chung, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết tài sản.

\* Chị Vũ Thị Như Q có nơi trú tại thôn T, xã PC, huyện ĐH, tỉnh TB. Mọi văn bản tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án như Thông báo thụ lý vụ án; Giấy triệu tập chị Q lên Tòa án để nộp văn bản ghi ý kiến của chị đối với yêu cầu khởi kiện của anh T; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải; Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa đều được Tòa án tổng đạt hợp lệ cho chị Q theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự nhưng chị Q không đến Tòa án để làm việc, không xuất trình tài liệu chứng cứ cho Tòa án và vắng mặt tại phiên tòa.

\* Qua xác minh với bố, mẹ đẻ của chị Q là ông Vũ Văn B và bà Bùi Thị N có nội dung: Anh T và chị Q kết hôn tự nguyện, đăng ký kết hôn tại UBND xã PC, huyện ĐH, tỉnh TB từ năm 2012. Sau kết hôn vợ chồng chung sống không hạnh phúc, chị Q đã bỏ về nhà ông bà sống ly thân với anh T khoảng 05 đến 06 năm nay. Chị Q đi vào tỉnh BD làm ăn tự do được vài tháng nay và vẫn thường xuyên liên lạc với ông bà qua điện thoại, nhưng chị Q không cho biết địa chỉ cụ thể ở đâu. Tất cả các văn bản tố tụng của Tòa án nhân dân huyện Đông Hưng liên quan đến việc giải quyết tranh chấp hôn nhân và gia đình giữa anh T và chị Q, ông bà đều nhận thay chị Q và đều thông báo cho chị Q qua điện thoại di động. Chị Q có trao đổi lại với ông bà là chị Q đồng ý ly hôn với anh T.

Anh T và chị Q có 01 con chung là Nguyễn Vũ L, sinh ngày 16/01/2014; hiện con chung đang sinh sống cùng anh T. Ly hôn, chị Q cũng nhất trí để anh T được trực tiếp nuôi dưỡng con chung.

\* Xác minh tại UBND xã PC, huyện ĐH, tỉnh TB có nội dung: Anh T và chị Q đăng ký kết hôn tại UBND xã PC, huyện ĐH, tỉnh TB vào ngày 09/11/2012. Cả hai anh chị đều có hộ khẩu thường trú tại thôn T, xã PC, huyện ĐH, tỉnh TB. Vợ chồng mâu thuẫn, chị Q đã về nhà bố mẹ đẻ sống ly thân với anh T khoảng 06 năm nay. Hiện tại chị Q đi ra tỉnh ngoài làm ăn tự do. Việc anh T và chị Q đoàn tụ với nhau là khó, đề nghị Tòa án xem xét giải theo quy định của pháp luật.

Anh T và chị Q có 01 con chung là Nguyễn Vũ L, sinh ngày 16/01/2014. Ly hôn, giao con chung cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng sẽ thuận lợi vì con chung đang sinh sống ổn định cùng anh T.

**\* Phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa:**

**Về tố tụng:** Trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án đến trước khi Hội đồng xét xử vào nghị án:

- Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Viện kiểm sát không có yêu cầu, kiến nghị gì.

- Nguyên đơn chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn chưa chấp hành các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

**Về nội dung:**

- Về quan hệ hôn nhân: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh T.

- Về con chung: Đề nghị Hội đồng xét xử giao con chung cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng. Chấp nhận việc anh T tự nguyện không yêu cầu chị Q cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản: Không đặt ra giải quyết.

- Về án phí: Anh T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên Tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

**- Về tố tụng:**

[1]. Bị đơn chị Vũ Thị Như Q có nơi cư trú tại thôn T, xã PC, huyện ĐH, tỉnh TB; vì vậy, Tòa án nhân dân huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình thụ lý và giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại Điều 28, 35 và 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. Chị Q đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến phiên tòa lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt chị Q.

**- Về nội dung:**

[1] Quan hệ hôn nhân giữa anh Nguyễn Thế T và chị Vũ Thị Như Q được xác lập trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn, là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống, anh T và chị Q không có hạnh phúc, thường xuyên xảy ra va chạm, cãi nhau. Vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 8/2016, cả hai không có biện pháp gì để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Điều đó chứng tỏ mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được; vì vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh T.

[2] Về con chung: Con chung đã trên 07 tuổi đang sinh sống ổn định cùng anh T và có đơn trình bày nguyện vọng được ở với bố. Anh T có sức khỏe, có thu nhập và có nơi ở ổn định. Do đó cần giao con chung cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng và chấp nhận việc anh T tự nguyện không yêu cầu chị Q cấp dưỡng cho con chung.

[3] Về tài sản: Do anh T không yêu cầu giải quyết, chị Q không có lời khai về tài sản, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4] Về án phí: Anh T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[5] Về quyền kháng cáo: Anh T và chị Q có quyền kháng cáo trong thời gian luật định.

*Vì những lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình. Khoản 1 Điều 28; Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; Điều 147, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa XIV;

**1/. Về quan hệ hôn nhân:** Xử cho anh Nguyễn Thế T được ly hôn chị Vũ Thị Như Q.

**2/. Về con chung:** Xử giao con chung Nguyễn Vũ L, sinh ngày 16/01/2014 cho anh Nguyễn Thế T trực tiếp nuôi dưỡng. Chấp nhận việc anh Nguyễn Thế T không yêu cầu chị Vũ Thị Như Q cấp dưỡng cho con chung.

Chị Vũ Thị Như Q được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung. Chị Vũ Thị Như Q và anh Nguyễn Thế T có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và yêu cầu dưỡng cho con khi cần thiết.

**3/. Về tài sản:** Không đặt ra giải quyết.

**4/. Về án phí:** Anh Nguyễn Thế T phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm; Chuyển số tiền 300.000 đồng anh T đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003045 ngày 15/4/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện ĐH thành tiền án phí.

**5/. Về quyền kháng cáo:** Anh Nguyễn Thế T được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Chị Vũ Thị Như Q được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

#### **Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- VKSND huyện Đông Hưng;
- UBND xã PC, huyện ĐH, tỉnh TB;
- Chi cục THADS huyện ĐH;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**  
**Đã ký**

**Lê Kiên Trung**